

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG TH THỊ TRẦN TIÊN LÃNG

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông

Năm học 2023 – 2024

(Kèm theo Công văn số 551 /SGDDT-TTr ngày 17 /3/2022 của Sở GDĐT)

ST T	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Sinh năm 2017 (6 tuổi) đã HTCT bậc học MN	Sinh năm 2016 (7tuổi) đã HTCT lớp 1	Sinh năm 2015 (8 tuổi) đã HTCT lớp 2	Sinh năm 2014 (9 tuổi) đã HTCT lớp 3	Sinh năm 2013 (10 tuổi) đã HTCT lớp 4
		<p>- Đối với lớp 1: Tuyển hết trẻ trong độ tuổi (6 tuổi) có hộ khẩu thường trú thuộc địa bàn các Phố: Phố Trung Lãng, Phố Đông Cầu, Phố Triều Đông, Nhữ Văn Lan ... trẻ đang tạm trú, lưu trú tại Thị trấn có xác nhận của công an địa phương.</p> <p>- Các lớp khác: Đảm bảo các điều kiện lên lớp theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 29/9/2016 của Bộ GD&ĐT và TT27/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020.</p> <p>- Tiếp nhận trẻ trong độ tuổi đang tạm trú, lưu trú tại Thị trấn, có xác nhận của công an địa phương. Học sinh chuyển trường đến có đủ hồ sơ hợp lệ.</p>				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	<p>Nhà trường Tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 bảo đảm an toàn trường học; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học.</p> <p>Thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình GDPT 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3,4 và Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (Chương trình GDPT 2006) đối với lớp 4, lớp 5, Thực hiện giáo dục stem.</p> <p>- Môn Tin học: Học sinh khối 3, 4, 5 được học 01 tiết/tuần; môn tiếng Anh khối 1,2,5: 2 tiết/tuần.</p>				
III	Yêu cầu	<p>- Có Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường, hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT) và Điều lệ trường tiểu học (Thông tư 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020</p>				

	<p>về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh</p>	<p>của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Điều lệ Trường tiểu học);</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% PHHS và gia đình có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, thực hiện tốt mục tiêu giáo dục đào tạo, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ của con em mình nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện cho học sinh. - Có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Phối, kết hợp tốt với các đoàn thể ở địa phương trong việc giáo dục học sinh. Thực hiện tốt thông tin 2 chiều thông qua trao đổi trực tiếp, điện thoại hoặc email giữa nhà trường, giáo viên chủ nhiệm với cha mẹ học sinh. Thực hiện họp định kỳ giữa nhà trường với Ban đại diện Cha mẹ học sinh. - Học sinh thực hiện tốt các nhiệm vụ HS theo Điều lệ Trường tiểu học, tuân thủ theo nội quy HS, có nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo đúng yêu cầu chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường.
<p>IV</p>	<p>Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo dục truyền thống và rèn kỹ năng sống cho học sinh, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, phòng chống tai nạn, thương tích... Đưa các trò chơi dân gian vào trường học, tổ chức các cuộc thi, các sân chơi trí tuệ... nhằm phục vụ cho việc giáo dục toàn diện cho học sinh. - Tổ chức cho HS và CBGV, NV hát Quốc ca tại Lễ chào cờ. Thực hiện có nền nếp việc tập bài thể dục đầu giờ, giữa giờ, thể dục nhịp điệu và bài Võ cổ truyền dân tộc. - Học sinh nghèo, có hoàn cảnh thật sự khó khăn được xét cấp học bổng do các ban ngành tài trợ; Học sinh thuộc hộ nghèo được xét cấp hỗ trợ chi phí học tập, bảo hiểm y tế...
<p>V</p>	<p>Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được</p>	<p>*Kết quả Năng Lực, Phẩm chất, Học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 99,7% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học theo quy định của Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 29/9/2016. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Đảm bảo tốt, có hiệu quả việc đánh giá thường xuyên về học tập, về năng lực, phẩm chất của học sinh. + Đánh giá định kỳ các môn học: phần đầu 99,7 % trở lên học sinh đạt mức Hoàn thành và Hoàn thành tốt. + Đánh giá định kỳ về năng lực, phẩm chất: từ Đạt trở lên là 99,7%. <p>*Sức khỏe:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo an toàn, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe và phòng chống tai nạn, thương tích trong trường học cho học sinh.

		<ul style="list-style-type: none">- Học sinh được tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.- Phần đầu là đơn vị có môi trường giáo dục, chất lượng giáo dục tốt.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none">- Duy trì sĩ số học sinh tất cả các khối lớp trong toàn trường đạt 100%. không có học sinh bỏ học giữa chừng.- Đảm bảo chất lượng kiến thức theo chuẩn để học sinh học lên lớp trên, 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học được tiếp tục học lên THCS

Thị trấn Tiên Lãng, ngày 21 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)



Vũ Thị Minh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế,
cuối năm học 2022- 2023

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
I	Tổng số học sinh	1049	182	217	208	207	235
II	Số học sinh học 2b/ngày	1049	182	217	208	207	235
II	Số học sinh khuyết tật hòa nhập	5	1	1	1	1	1
IV	Số học sinh chia kết quả giáo dục						
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	424/607	136/182	170/217	118/208		
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	124/607	34/182	28/217	62/208		
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	56/607	9/182	19/217	28/208		
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	3/607	3/182	0/217	0/208		
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Số học sinh hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)	604/607	179/182	217/217	208/208	207/207	
2	Số hs khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	928/1049	165/182	197/217	179/208	183/207	206/335
3	Số học sinh cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	136/1049	18/182	23/217	24/208	26/207	45/335

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)**Vũ Thị Minh**

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế,
cuối năm học 2024- 2025

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
I	Tổng số học sinh	1034	232	174	217	204	207
II	Số học sinh học 2b/ngày	1049	182	217	208	207	235
II	Số học sinh khuyết tật hòa nhập	5	0	1	2	1	2
IV	Số học sinh chia kết quả giáo dục						
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	560/827	176	136	132	116	
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	168/827	37	22	59	50	
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	97/827	17	16	26	38	
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	2/827	2	0	0	0	
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Số học sinh hoàn thành chương trình lớp học, Tiểu học (tỷ lệ so với tổng số)	1032/1034	230	174	217	204	207
2	Số hs khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	902/1034	213	154	192	169	174
3	Số học sinh cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	122/1034	24	19	26	25	28

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)



Vũ Thị Minh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2023 – 2024

Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30/30	Số m²/học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	30	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường lẻ	1	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	6805	6,5 m²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2809	2,7 m²
VI	Tổng diện tích các phòng	2134	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1586	1,5 m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	90	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	62	
6	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	90	
7	Diện tích phòng tin học (m ²)	54	
8	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	18	
9	Hội trường	128	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1		6bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2		6 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3		0
1.4	Khối lớp 4		7 bộ/ lớp
1.5	Khối lớp 5		7 bộ/ lớp

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện còn thiếu so với quy định		
2.1	Khôi lớp 1		0
1.1	Khôi lớp 1		6bộ/lớp
1.2	Khôi lớp 2		6 bộ/lớp
1.3	Khôi lớp 3		6 bộ/lớp
1.4	Khôi lớp 4		7 bộ/ lớp
1.5	Khôi lớp 5		7 bộ/ lớp
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	101	3,37 thiết bị/lớp
1	Ti vi	30	
2	Cát sét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	30	
5	Thiết bị khác: Bộ tai nghe nói Tiếng Anh	36	

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	36 m²
XI	Nhà ăn	112 m²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	24 phòng = 1356 m ²		1300/780 = 1,65 m ²
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		6		0,5 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện)	Có	

	riêng)		
XVII	Kết nối internet (ADSL)	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Thị trấn Tiên Lãng, ngày 25 tháng 06 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)



Vũ Thị Minh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo,
cán bộ quản lý và nhân viên, năm học 2022 – 2023

ST T	Nội dung	Tổng g số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh NN			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	Th S	Đ H	C Đ	TC C N	Dưới TC CN	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	TB	Kém
	Tổng số GV, CBQL và NV	50			39	6	4	0	1	10	34	38	5	0	0
I	Giáo viên	43			36	6	1		1	10	33	35	5		
	Trong đó GV chuyên biệt:	7			4	2	1		1	3	4				
1	Ngoại ngữ	2			2						2				
2	Tin học	1								1					
3	Âm nhạc	2			1	1				1	1				
4	Thể dục	0													
5	Mỹ thuật	3			1	1	1		1	1	1				
II	Cán bộ QL	3			3							3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
III	Nhân viên	4			1		3								
1	NV văn thư	1					1								
2	NV kế toán	1			1		0				1				
3	NV thư viện	1					1								
4	Nhân viên y tế	0					0								
6	Nhân viên b. vệ	1					1								

Thị trấn Tiên Lãng, ngày 25 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)



Vũ Thị Minh

THÔNG BÁO
Công khai nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân được đào tạo bồi dưỡng
trong năm học 2023- 2024 và 02 năm tiếp theo

STT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số người tham gia	Nội dung đào tạo bồi dưỡng	Hình thức đào tạo bồi dưỡng	Trình độ đào tạo bồi dưỡng
1	Tháng 8,9,10	Tất cả CBGV	42	Chương trình GDPT 2018 lớp 4	Trực tuyến	
7	Tháng 9	Tất cả CBQL, Khối trưởng	8	Tập huấn Hệ thống quản lí hồ sơ điện tử. (Quảng ích),	Trực tuyến	
8	Tháng 9	HT, PHT	2	Tập huấn Hệ thống quản lí hồ sơ điện tử. (VNPT)		
9	Tháng 9	CBGV,NV	49	Tập huấn Hệ thống quản lí hồ sơ điện tử		
	Trong năm học 2023-2024			Chương trình GDPT 2018 (Modul tiếp theo) - Giáo dục Quốc phòng, an ninh. - Tập huấn: Quản lí , vận hành Học bạ số. - Tập huấn Tuyển sinh trực tuyến đầu cấp. - Hội nghị giới thiệu SGK lớp 5 - Tập huấn: Lồng ghép quyền bổn phận con người.		
10	Tháng 8/2024	CBQL, GV	46	Bồi dưỡng chính trị	Trực tiếp	
11	Năm học	CBQL,GV	46	Chương trình GDPT	Trực tuyến	

	2024- 2025			2018		
		CBQL, Tổ trưởng, GV dự kiến dạy lớp 5,	32	Tập huấn chương trình GDPT 2018 Lớp 5	Trực tuyến, trực tiếp	
		Tất cả CBQL, GV	45	Chuyển đổi số, Giáo dục stem, Chương trình GDPT 2018 Giáo dục Quốc phòng, an ninh	Trực tuyến, Trực tiếp	
12	Năm học 2025- 2026	CBQL, GV	45	Chương trình GDPT 2018	Trực tuyến	
		Tất cả CBQL, GV	45	Chuyển đổi số, Giáo dục stem, Chương trình GDPT 2018 Giáo dục Quốc phòng, an ninh	Trực tuyến, Trực tiếp	

Thị trấn Tiên Lãng, ngày 25 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Minh